TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:158/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theoQuyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Bùi Đỗ Kim K, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 4, khối P, thị trấn P1, huyện T1, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụán,chị Bùi Đỗ Kim K trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc T tìm hiểu khoảng 01 năm rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 08 tháng 4 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tđánh chị gây áp lực tâm lý, vợ chồng không nói chuyện, không chia sẻ với nhau dẫn đến mâu thuẫn không được giải quyết, anh T coi thường nghề nghiệp của chị, bắt nghỉ việc ở nhà trông

con, không tin tưởng nên không đưa tiền cho chị cất giữ. Các thành viên trong gia đình cô lập, tác động dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn, anh T hứa sửa đổi để cùng nhau chăm lo cho con nên chị rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau khi chị rút đơn khởi kiện thì tình trạng hôn nhân không được cải thiện, anh T không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Vợ chồng chị vẫn không thể sống hòa hợp với nhau. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Phạm Ngọc T1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019, hiện nay con đang sống cùng với chị. Nếu giải quyết ly hôn. chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Ngọc T trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị Bùi Đỗ Kim K về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân, về tình trạng hôn nhân và con chung. Theo anh thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do công việc của anh là phải đảm bảo thông tin cho khách hàng nên không có thời gian chăm sóc con nhiều, không có thời gian cố định ở nhà như ý muốn của chị K. Trong thời gian mang thai và sinh con nhỏ, chị K có thay đổi tâm sinh lý và bị tác động từ gia đình của chị nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau. Chị K đưa con về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Anh và gia đình anh đã đến gặp để khuyên chị K quay về nhưng chị K không đồng ý. Nhiều lần anh đến nhà vợ thăm con nhưng nhà vợ không tiếp, không cho anh gặp con. Nay chị K nộp đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh và chị K tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phướcphát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị K được ly hôn, giao con chung cho chị Kchăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Đỗ Kim K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Phạm Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Đỗ Kim K và anh Phạm Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại UBND thị trấn D, huyện T nên hôn nhân giữa chị K, anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị K yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, tuy vẫn là vợ chồng nhưng giữa chị K và anh T đã không còn sống chung, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Các đương sự thuận tình ly hôn. Do đó, áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị K và anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị K và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc T1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019. Chị K và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1. Xét thấy từkhi sống ly thân đến nay, cháu T1 vẫn do chị K chăm sóc, nuôi dưỡng và chị K vẫn đảm bảo để cháu được phát triển bình thường. Mặc khác, hiện nay cháu T1 chưa đủ 03 tuổi nên việc giao con cho chị K chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân vàgia đình. Chị K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng này phù hợp với tình hình thực tế của cháu T1. Áp dụng các Điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 07 năm 2021 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ:Chị K, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tạiĐiều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Đỗ Kim K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 3Điều 81,các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Đỗ Kim K và anh Phạm Ngọc

T.

2. Giao con chung là cháu Phạm Ngọc T1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019cho chị Bùi Đỗ Kim Ktrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu T1 đang sống với chị K.

Buộc anh Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi cháu T1 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 07 năm 2021 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Chị Bùi Đỗ Kim K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn)đồngán phíly hôn nhưng được khấu trừ vào300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạmứngán phímà chị Kđã nộp theo biên lai thu tiền số 0005852ngày01 tháng 6 năm 2021 củaChi cục Thi hànhán dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND TT.D, H. Tuy Phước (Số 33/2019);
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên